

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 31 - 8 - 2020.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly hôn,
nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Chi.
2. Bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là Thư ký tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn MC, xã TT, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐX, phường TC, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2007 tại ủy ban nhân dân xã TC (nay là phường TC) thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Trong cuộc sống anh T không quan tâm đến vợ con mà chỉ mãi mê ham chơi, chị N cũng đã nhiều lần khuyên ngăn anh T nhưng anh T không thay đổi. Do vậy chị N đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm, không liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị N xác định tình cảm không còn dành cho anh T, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/02/2008. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu M ở với chị N, do chị N chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi vợ chồng ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa làm việc, vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

* Tại biên bản làm việc ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tòa án với bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ của anh T), bà H cung cấp cho Tòa án thông tin: Anh T đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhưng do anh T đi làm xa thỉnh thoảng mới về nhà nên anh T không đến Tòa làm việc. Hiện tại anh T vẫn đang chung sống cùng gia đình bà tại tổ dân phố Độ Xá, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý.

Về tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Phạm Văn T bà H xác nhận trong cuộc sống hôn nhân anh T và chị N có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân 7-8 năm và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn bà H hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị N và anh T theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Văn M. Hiện cháu M đang ở với chị N. Khi ly hôn bà H đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

* Quan điểm của địa phương nơi anh T cư trú: Về hôn nhân đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nguyện vọng xin ly hôn của chị N theo pháp luật. Về con chung chị N và anh T có một con chung là cháu Phạm Văn M, hiện nay cháu M

đang ở với chị N. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con chung theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho cháu M.

* Nguyên vọng của cháu Phạm Văn M: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu M có nguyện vọng muốn ở với mẹ, để mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã khai trong bản tự khai. Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N, xử ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giao chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/02/2008 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về án phí ly hôn: Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Văn T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ dân phố ĐX, phường TC, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Trần Thị N và anh Phạm Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Phạm Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TC, thành phố Phủ Lý đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N, Hội đồng xét xử thấy: Cuộc hôn nhân giữa chị N và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ba năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống anh T không chia sẻ, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Do không còn cảm nhận tình cảm của chồng dành cho mình nên chị N đã chủ động sống ly thân. Từ năm 2010 đến nay anh T và chị N không quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa cho thấy cả hai đều không còn dành tình cảm cho nhau. Bản thân anh T đã biết chị N đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng anh T không đến tòa để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải cho thấy anh T cũng không còn tình cảm với chị N và không quan tâm đến cuộc hôn nhân nữa. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Phạm Văn T.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phạm Văn T có một con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/02/2008, trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Văn M, tại biên bản tự khai cháu M cũng có mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M là phù hợp, đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do đó Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị N phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí và án phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Phạm Văn T.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/02/2008 (con trai) cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004495 ngày 25/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị N đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N và anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường Thanh Châu, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên

